UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**BAN DÂN TỘC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC - BDT *Bình Phước, ngày tháng năm 2023*

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023 và Chương trình giảm 1000 hộ nghèo DTTS năm 2023**

Thực hiện Kế hoạch số03/KH-BDT ngày 02/02/2023 của Ban Dân tộc về triển khai, thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc năm 2023.

Ban Dân tộc báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia dân tộc thiểu số và miền núi (Chương trình MTQG 1719); và Chương trình giảm 1000 hộ nghèo DTTS (Chương trình giảm 1000 hộ) 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023 cụ thể như sau:

**A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023.**

**I. CHƯƠNG TRÌNH MTQG 1719**

**1. Công tác tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch, chỉ đạo thực hiện**

- Trong 6 tháng đầu năm, Ban Dân tộc đã chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tham mưu trình UBND tỉnh ban hành 50 văn bản chỉ đạo, trọng tâm như Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 10/02/2023 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn tỉnh [[1]](#footnote-1)

- Ban Dân tộc đã ban hành 159 văn bản các loại để báo cáo, chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc (trong đó: 90 Công văn; 16 Tờ trình; 30 Báo cáo; 08 Kế hoạch; 15 Thông báo); Tham mưu UBND tỉnh tổ chức 12 Hội nghị trực tuyến đánh giá tình hình thực hiện và giải ngân nguồn vốn thuộc Chương trình MTQG dân tộc và MN.

- Các sở, ban ngành tỉnh đã hướng dẫn các nội dung liên quan đến các chỉ tiêu, tiểu dự án và dự án theo phân công của UBND tỉnh tại Công văn số 619/UBND-KGXV ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh [[2]](#footnote-2).

**2. Nguồn vốn thực hiện**

Tổng nguồn vốn của Trung ương và của tỉnh phân bổ thực hiện 02 năm (gồm cả nguồn vốn năm 2022 kéo dài giải ngân sang năm 2023) là 548.541 triệu đồng, trong đó nguồn vốn của Trung ương là 496.594 triệu đồng, nguồn ngân sách tỉnh là 51.840 triệu đồng, thực hiện đồng bộ 10 dự án thành phần.

**3. Kết quả thực hiện giải ngân.**

Lũy kế giải ngân đến ngày 25/7/2023 (nguồn vốn năm 2022 và năm 2023) là 177.314 triệu đồng, đạt 31,09% trên tổng kế hoạch vốn giao. Trong đó, nguồn vốn đầu tư là 169.478 triệu đồng, đạt 41,21%; sự nghiệp là 7.836 triệu đồng, đạt 5%. Cụ thể các dự án như sau:

- Dự án 1: giải ngân 11.989 triệu đồng (đầu tư 10.959 triệu đồng, sự nghiệp 1030 triệu đồng), đạt 13,32 %.

- Dự án 2: giải ngân 100.332 triệu đồng (đầu tư 100.332 triệu đồng, sự nghiệp 0 triệu đồng), đạt 50,52 %.

- Dự án 3: giải ngân 710 triệu đồng (sự nghiệp 710 triệu đồng), đạt 2,14%.

- Dự án 4: giải ngân 46.201 triệu đồng (đầu tư 45.012 triệu đồng, sự nghiệp 1.189 triệu đồng), đạt 38,36 %.

- Dự án 5: giải ngân 10.707 triệu đồng (đầu tư 8.940 triệu đồng, sự nghiệp 1.817 triệu đồng), đạt 14,12 %.

- Dự án 6: giải ngân 5.093 triệu đồng (đầu tư 4.145 triệu đồng, sự nghiệp 948 triệu đồng), đạt 23,94 %.

- Dự án 7: giải ngân 294 triệu đồng nguồn sự nghiệp, đạt 7,30 %.

- Dự án 8: giải ngân 941 triệu đồng nguồn sự nghiệp, đạt 20,64 %.

- Dự án 9: giải ngân 280 triệu đồng nguồn sự nghiệp, đạt 2,51%

- Dự án 10: giải ngân 1.190 triệu đồng (đầu tư 90 triệu đồng, sự nghiệp 1.100 triệu đồng), đạt 10,55 %.

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIẢM 1000 HỘ**

- Ngày 09/01/2023, Ban Dân tộc mới bắt đầu nhận bàn giao Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo dân tộc thiểu số từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; ngay sau khi nhận bàn giao, Ban Dân tộc đã có Công văn số 33/BDT-KHTH ngày 11/01/2023 đề nghị UBND các huyện và thị xã Bình Long đăng ký nhu cầu thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo dân tộc thiểu số năm 2023. Trên cơ sở chỉ tiêu giảm nghèo và nhu cầu của các huyện, thị xã, Ban Dân tộc đã tổng hợp tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 21/4/2023 thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ năm 2023.

- Mục tiêu, hỗ trợ giảm 1.005 hộ nghèo DTTS trên địa bàn tỉnh với các nhu cầu chính sách như sau:

+ Nhu cầu đất ở là 63 nhu cầu.

+ Xây dựng nhà ở là 769 căn (xây mới 538 căn và sửa chữa 231 căn).

+ Nhà vệ sinh là 339 nhu cầu.

+ Nước sinh hoạt 801 nhu cầu (giếng đào 65 nhu cầu, giếng khoan 505 nhu cầu, bồn chứa nước là 231 nhu cầu).

+ Điện sinh hoạt là 383 nhu cầu (điện lưới 333 nhu cầu, điện năng lượng mặt trời 50 nhu cầu).

+ Ti vi là 178 nhu cầu.

+ Vay vốn ngân hàng chính sách xã hội là 33 nhu cầu.

+ Chuyển đổi nghề, sinh kế tạo việc làm tăng thu nhập là 1.497 nhu cầu (con giống: trâu, bò, dê, gà/vịt, heo là 717 nhu cầu; máy cắt cỏ là 462 nhu cầu, máy cưa là 70 nhu cầu, bình xịt thuốc là 212 nhu cầu, xe máy là 36 nhu cầu).

- Ban Dân tộc đã phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành các Quyết định phân bổ nguồn vốn thực hiện đợt 1 là 29.123 triệu đồng gồm 16.035 triệu đồng nguồn đầu tư và 13.088 triệu đồng nguồn sự nghiệp (tại Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 và Quyết định số 1092/QĐ-UBND ngày 03/7/2023 của UBND tỉnh để các địa phương triển khai thực hiện.

- Ban đã hướng dẫn cụ thể về nguồn vốn theo từng nhu cầu hỗ trợ và cùng tham gia đoàn kiểm tra thẩm định thực tế đối tượng hộ nghèo đề nghị hỗ trợ xây dựng nhà Đại đoàn kết của các huyện, thị xã năm 2023; Ngày 06/6/2023 Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 166/KH-BVĐ về hỗ trợ xây dựng nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo khó khăn về nhà ở năm 2023 để thực hiện lồng ghép với Chương trình MTQG 1719 trên địa bàn tỉnh

- UBND các huyện, thị xã (UBND cấp huyện) đã thực hiện công tác rà soát, xác định nhu cầu hỗ trợ, phê duyệt kế hoạch, danh sách hộ thụ hưởng, tổng hợp hồ sơ xây dựng nhà ở gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh để căn cứ phân bổ nguồn vốn thực hiện. Đến nay đã phân bổ nguồn vốn cho các đơn vị, địa phương thực hiện theo nhiệm vụ, chỉ tiêu đã phê duyệt.

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG:**

**1. Chương trình MTQG 1719**

**a. Thuận lợi**

Được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh cùng sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, đến nay đã tham mưu phân bổ nguồn vốn đảm bảo, các đơn vị, địa phương đã triển khai thực hiện theo quy định.

Chương trình MTQG 1719 được triển khai thực hiện sẽ góp phần giảm nghèo, rút ngắn khoảng cách chênh lệch giàu nghèo giữa các vùng, địa phương; đồng thời, giúp vùng DTTS và miền núi thay đổi kết cấu cơ sở hạ tầng, ngày càng phát triển toàn diện; đời sống của đồng bào DTTS ngày càng được cải thiện rõ rệt, phương thức sản xuất từng bước được chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa; mặt bằng dân trí, đời sống văn hóa, tinh thần được nâng lên; ý thức của đồng bào DTTS về chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được nâng cao; tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái trong cộng đồng các dân tộc được phát huy; niềm tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước được củng cố; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng DTTS được giữ vững, ổn định.

**b. Khó khăn, hạn chế**

*- Khó khăn, vướng mắc chung*

+ Về cơ chế: Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ  
quy định chung 03 Chương trình MTQG, nguồn vốn đầu tư phát triển phải thực  
hiện quy trình theo Luật đầu tư công nên một số chỉ tiêu hỗ trợ trực tiếp cho người  
dân gặp khó khăn (Hỗ trợ đất ở, nhà ở…);

+ Về nguồn vốn: Trung ương chưa phân bổ nguồn vốn sự nghiệp cho giai đoạn nên địa phương gặp khó khăn trong việc xây dựng dự toán vốn đối ứng theo quy định. Một số chính sách đã phân bổ vốn nhưng chưa có quy định mức hỗ trợ (ngày 23/02/2023, Thủ tướng Chính phủ mới ban hành Quyết định số 4/2023/QĐ-TTg về mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện Dự án 1 và Tiểu dự án 1, Dự án 4).

+ Về văn bản hướng dẫn thực hiện của Trung ương (16 bộ, ngành): chưa kịp  
thời, chưa đồng bộ; Tiểu dự án 2, Dự án 10 đến tháng 5/2023 Bộ Thông tin và  
Truyền thông mới ban hành Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT. Hiện nay, vẫn chưa  
có văn bản hướng dẫn thực hiện tiểu dự án 1, Dự án 9 (ngày 21/6/2023 Ủy ban Dân tộc có văn bản số 1017/UBDT-DTTS chỉ đạo tạm dừng thực hiện nội dung số 01 của TDA 1, DA 9). Việc ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện còn chậm nên một số chính sách đã được bố trí vốn không triển khai thực hiện giải ngân được vốn theo quy định (như: Dự án 1, tiểu dự án 1 - Dự án 9, tiểu dự án 2 - Dự án 10).

*- Khó khăn, vướng mắc khi triển khai thực hiện tại tỉnh*

+ Dự án 1: Năm 2022, Trung ương phân bổ vốn chậm, định mức hỗ trợ thấp  
hơn định mức thực hiện Chương trình giảm 1000 hộ nghèo DTTS của tỉnh đang thực hiện, gặp khó khăn trong việc triển khai thực hiện một số nội dung của Dự án như: hỗ trợ xây nhà ở 40 triệu đồng/căn (tại tỉnh đang thực hiện là 80 triệu đồng/căn/hộ); hỗ trợ sửa chữa nhà ở 20 triệu đồng/căn (tại tỉnh đang thực hiện là 30 triệu đồng/căn/hộ); Việc quy định “tối đa định mức hỗ trợ” *như: chuyển đổi nghề (Mức hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/hộ; hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán tối đa 03 triệu đồng/hộ)*…, tại Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 03/4/2022 của Bộ Tài chính là chưa phù hợp với tinh thần chỉ đạo của Chính phủ và khó khăn trong thanh toán khi ngân sách địa phương bố trí đối ứng tỷ lệ trên định mức tối thiểu là 15% trên tổng vốn Trung ương giao và lồng ghép với nguồn ngân sách khác. Bởi vì, theo Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, tại Điều 6 quy định (1) Ngân sách nhà nước gồm ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương; (2) Ngân sách địa phương gồm ngân sách của các cấp chính quyền địa phương.

+ Dự án 2: Tỉnh được phê duyệt 08 dự án, nhưng chỉ thực hiện được 05 dự án; còn 03 dự án nằm trên địa bàn 03 xã biên giới; hiện nay, 03 xã này đã về đích nông thôn mới (xã Lộc Thịnh, xã Lộc Tấn và xã Lộc An, huyện Lộc Ninh) theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, xã đạt chuẩn nông thôn mới là xã khu vực I nên không được đầu tư thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025.

+ Dự án 5 (Tiểu dự án 1): Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các Trường  
Phổ thông Dân tộc nội trú (DTNT), Trường phổ thông DTNT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú…. quy định đối tượng đầu tư là địa bàn vùng DTTS&MN; thực tế, 06 Trường dân tộc nội trú của tỉnh không nằm trên địa bàn vùng DTTS&MN nên không thuộc diện đầu tư; trong khi các trường thực hiện đào tạo học sinh người DTTS sinh sống ở các xã thuộc vùng DTTS&MN; hiện nay, các trường còn thiếu nhiều hạng mục cơ sở vật chất gây khó khăn trong việc dạy và học, trong ngân sách tỉnh còn khó khăn, chưa hỗ trợ kịp thời. Hiện nay, Ban Dân tộc đã tham mưu UBND tỉnh báo cáo và đề nghị Ủy ban Dân tộc có hướng dẫn, thuận chủ trương cho tỉnh Bình Phước được rà soát thực hiện đầu tư các dự án trên địa bàn các xã biên giới đã về đích nông thôn mới và lựa chọn thực hiện một số hạng mục hỗ trợ 06 Trường dân tộc nội trú của tỉnh; sau khi có chủ trương, Ban sẽ tham mưu các bước tiếp theo để triển khai thực hiện.

+ Chương trình mới, cơ cấu nhiều nội dung, nhiều nhiệm vụ thực hiện, chậm ban hành các văn bản hướng dẫn nên dẫn đến công tác chỉ đạo điều hành còn nhiều lúng túng trong triển khai ở cơ sở; quá trình đề xuất lựa chọn nội dung, danh mục dự án đầu tư chưa thống nhất phải rà soát, điều chỉnh nên tiến độ thực hiện còn chậm. Bộ máy biên chế Cơ quan làm công tác Dân tộc còn khó khăn, nhất là ở cấp huyện nên ảnh hưởng đến việc tham mưu cho Cấp ủy, chính quyền gặp khó khăn.

**2. Chương trình giảm 1000 hộ**

**a. Thuận lợi:**

Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS trên địa bàn tỉnh được triển khai góp phần tác động tích cực đến đời sống và tình hình kinh tế, chính trị của các địa phương. Nhằm cải thiện đời sống, tăng nguồn thu nhập của hộ nghèo đồng bào DTTS. Với những nguồn lực, chính sách hỗ trợ của Trung ương và của tỉnh, nguồn Quỹ ‘Vì người nghèo” của tỉnh; tránh được việc so bì trong cùng đối tượng là đồng bào DTTS nghèo, tỷ lệ hộ nghèo DTTS giảm đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

**b. Khó khăn, hạn chế:**

- Về đầu mối phân công đơn vị chủ trì thực hiện còn chưa thống nhất, nên chậm trong công tác tham mưu đăng ký nhu cầu và báo cáo tiến độ thực hiện.

- Do năm đầu thực hiện việc tích hợp lồng ghép nội dung, chính sách và nguồn vốn hỗ trợ; thay đổi cơ cấu nguồn vốn hỗ trợ (nguồn sự nghiệp hỗ trợ chuyển đổi nghề sinh kế tạo việc làm) nên thực hiện còn lúng túng và tiến độ còn chậm (nguồn sự nghiệp của tỉnh chưa được dự toán trong kế hoạch từ đầu năm).

- Việc rà soát đối tượng, xác định nhu cầu hỗ trợ cho đối tượng còn chưa đảm bảo phải rà soát, điều chỉnh, bổ sung...

**B. PHƯƠNG HƯỚNG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023:**

Giải ngân 100% nguồn vốn được giao. Thực hiện giảm 1.005 hộ nghèo DTTS và hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ các kế hoạch đề ra, cụ thể:

**-** Dự án 1: Hỗ trợ đất ở cho 249 hộ; giải quyết nhà ở cho 911 hộ (xây mới631, sửa nhà 280 hộ), hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 1.840 hộ, hỗ trợ nước sinh hoạtphân tán cho 1.541 hộ, xây dựng 07 công trình giếng nước sinh hoạt tập trung (đã bao gồm cả Chương trình giảm 1000 hộ).

- Dự án 2: Thực hiện 05 dự án quy hoạch, bố trí, ổn định dân cư vùng đặcbiệt khó khăn, biên giới và những nơi cần thiết.

- Dự án 3: Hỗ trợ giao khoán bảo vệ 29.884,55 ha rừng mỗi năm (Vườnquốc gia Bù Gia Mập và Sở Nông nghiệp và PTNT); Hỗ trợ phát triển sản xuấttheo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùngDTTS&MN.

- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, xây dựng trên 60 km đường giaothông nông thôn (trải nhựa và bê tông xi măng), cải tạo, nâng cấp một số nhà vănhóa và trạm y tế; xây dựng 01 chợ trên địa bàn xã biên giới.

- Dự án 5: Xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy họccho 06 trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông bán trú vùng DTTS&MN; Hỗtrợ 08 lớp xóa mù chữ cho người dân vùng DTTS; Bồi dưỡng kiến thức dân tộccho 1.600 CBCC và 04 lớp đào tạo tiếng dân tộc Khmer cho 200 CBCC thuộc đốitượng 3, 4 theo quy định tại Quyết định 771/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;Ðào tạo nghề cho 500 người DTTS và hộ dân tộc Kinh nghèo, cận nghèo ở xã đặcbiệt khó khăn; Đào tạo nâng cao năng lực cho 1.300 người đại diện cho cộng đồngdân cư và cán bộ triển khai Chương trình ở cấp huyện và cấp xã.

- Dự án 6: Đầu tư trang thiết bị 20 nhà văn hóa - Khu thể thao tại các thôn,ấp; Hỗ trợ chống xuống cấp 01 di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trịtiêu biểu vùng DTTS&MN; xây dựng 47 thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn,ấp vùng DTTS&MN; Hỗ trợ xây dựng 01 điểm đến du lịch tiêu biểu thuộc vùngDTTS&MN.

- Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc ngườiDTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em vùng đồng bào DTTS và MN.

- Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vần đề cấp thiết đốivới Phụ nữ và trẻ em tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh.

- Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc cònnhiều khó khăn; giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trongvùng đồng bào DTTS và MN.

- Dự án 10. Hỗ trợ truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồngbào DTTS và MN; Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chươngtrình MTQG 1719 theo quy định.

**C. GIẢI PHÁP, ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

- Về cơ chế, chính sách: tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh để có sơ sở phân bổ nguồn vốn cho đơn vị thực hiện theo quy định; Ban hành Quy định nội dung và mức hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước”.

- Tiếp tục tham mưu Họp trực tuyến từ cấp tỉnh đến cấp huyện định kỳ để kịp thời giải quyết những khó khăn vướng mắc ngay tại cơ sở; Các sở, ban, ngành, địa phương thường xuyên phối hợp, trao đổi, cung cấp thông tin về các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần do đơn vị chủ trì quản lý, thực hiện đảm bảo Chương trình được triển khai đồng bộ, đảm bảo tiến độ giải ngân nguồn vốn được giao.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện Chương trình theo đúng quy định. Tiếp tục tham mưu lãnh đạo tỉnh tham dự lễ khởi công, khánh thành một số công trình và kiểm tra tại các huyện theo kế hoạch chỉ đạo.

- Tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2024 theo quy định.

- Tham mưu UBND tỉnh kiến nghị Ủy ban Dân tộc cụ thể:

+ Phê duyệt danh sách 35 thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 của 18 xã, phường, thị trấn không thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, để có cơ sở thực hiện Chương trình MTQG 1719.

+ Hướng dẫn cụ thể về triển khai thực hiện các Dự án thuộc Chương trình MTQG 1719 trên địa bàn các xã đã hoàn thành Chương trình xây dựng Nông thôn mới để tỉnh Bình Phước có căn cứ để chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình đạt hiệu quả và đảm bảo theo quy định (UBND tỉnh đã có Công văn số 514/UBND-KGVX ngày 20/3/2023 gửi Ủy ban Dân tộc về nội dung này).

+ Tổ chức tập huấn, hướng dẫn thực hiện để các địa phương có căn cứ triển khai thực hiện Chương trình MTQG 1719 đạt hiệu quả cao.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình giảm 1000 hộ nghèo DTTS 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023 trên địa bàn tỉnh, Ban Dân tộc báo cáo trước hội nghị./.

***Nơi nhận:* TRƯỞNG BAN**

- UBND tỉnh (b/c);

- Các sở, ngành liên quan;

- UBND cấp huyện;

- TB, các PTB;

- Các phòng CM;

- Lưu: VT, KHTH.

1. Công văn 314/UBND-KGVX ngày 02/02/2023 của UBND tỉnh về việc tổ chức Hội nghị trực tuyến định kỳ đánh giá tình hình thực hiện và giải ngân nguồn vốn thuộc Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN; Công văn số 619/UBND-KGVX ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai, tổ chức thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN trên địa bàn tỉnh; Công văn số 514/UBND-KGVX ngày 20/02/2023 của UBND tỉnh về việc hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc trong triển khai thực hiện một số nội dung, dự án thuộc Chương trình MTQG; Công văn 670/UBND-TH ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh về việc phân bổ nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh; Công văn số 1001/UBND-KGVX ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh về việc Ủy ban Dân tộc trả lời các vướng mắc trong triển khai, tổ chức thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN; Công văn số 509/UBND-KGVX ngày 20/02/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh ban hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21/2/2023 của UBND tỉnh về việc giao chi tiết kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN năm 2023 (đợt 1); Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 của UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN năm 2023 (đợt 1); Công văn số 619/UBND-KGVX ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai, tổ chức thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 của UBND tỉnh về việc phân bổ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 (đợt 2); Quyết định số 1014**/**QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023; Công văn số 2043/UBND-KGVX ngày 21/6/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh nội dung thực hiện Dự án 6 của huyện Bù Gia Mập tại Công văn số 2999/UBND-KGVX ngày 13/10/2022 của UBND tỉnh; Công văn số 2125/UBND-KGVX ngày 27/6/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh nội dung, nhiệm vụ trong thực hiệnChương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023; Quyết định số 1092**/**QĐ-UBND ngày 03/7/2023 của UBND tỉnh về phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 (đợt 1); [↑](#footnote-ref-1)
2. Hướng dẫn số 307/BDT-KHTH ngày 09/6/2023 của Ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số Dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2022 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Hướng dẫn số 962/HD-SVHTTDL ngày 06/4/2023 của Sở Văn hóa, Thế thao và Du lịch hướng dẫn thực Dự án 6 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Hướng dẫn số 05/HD-BTV ngày 28/12/2022 của Ban Thường vụ HLHPN tỉnh hướng dẫn triển khai thực hiện Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2022-2025; Công văn số 780/STTTT-BCVTCNTT ngày 19/6/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung về thông tin và truyền thông trong Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Công văn số 1531/SNN-KHTC ngày 12/7/2023 ngày 12/7/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và Mn (Tiểu dự án 1 - Dự án 3); Công văn số 112/CCDS-SKSS ngày 05/5/2023 của Chi cục Dân số kế hoạch hóa gia đình về việc hướng dẫn thực hiện và thanh quyết toán Dự án 7 thuộc Chương Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2023 (năm 2022); Công văn số 1062/SLĐTBXH-LĐVL ngày 13/6/2023 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện Thông tư số 17/2022/TT-BLĐ-TB&XH và các văn bản có liên quan; Công văn số 2875/SYT-NV ngày 22/7/2023 của Sở Y tế về việc hướng dẫn thực hiện dự án 7. [↑](#footnote-ref-2)